

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH LUẬT KHOÁ 20 LỚP B THEO ĐỀ ÁN 911
(Niên khoá 2014 - 2018)

Số TT	Họ và tên thí sinh, ngày sinh, giới tính, nơi làm việc	Bằng tốt nghiệp đại học			Bằng Thạc sĩ		Năm bắt đầu vào nghề	Kết quả đánh giá						Mã số và tên chuyên ngành đào tạo NCS Số năm đào tạo
		Ngành DT	Hệ DT	Năm TN Loại TN	Chuyên ngành	Điểm trung bình chung học tập toàn khoá		Thư giới thiệu	Ngoại ngữ	Bài luận về dự định nghiên cứu (1)	Công trình NCK H đã công bố (2)	Các điểm khác (3)	Tổng (1) + (2) + (3)	
1	Đàm Quang Ngọc 06/05/1985, Nam ĐH Luật HN	Luật	Chính quy	2007 Khá	Luật Kinh doanh và cạnh tranh của Châu Âu và Quốc tế	2,1	2008	Được chấp nhận	Bằng thạc sĩ nước ngoài	36	02	19	57	Luật Hình sự và Tố tụng hình sự MS 62380104 (04 năm)
2	Hà Lệ Thuỷ 27/10/1980, Nữ Khoa Luật – ĐH Huế	Luật học	Chính quy	2002 Giỏi	Luật Hợp tác kinh tế		2002	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	33	07	16	56	Luật Hình sự và Tố tụng hình sự MS 62380104 (04 năm)
3	Đinh Hoàng Quang 02/08/1986, Nam Trường ĐH Kiểm sát HN	Luật	Chính quy	2009 TB Khá	Luật Hình sự	2,82	2010	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	36	06	09	51	Luật Hình sự và Tố tụng hình sự MS 62380104 (04 năm)
4	Lê Hương Giang	Luật	Chính	2010	Luật Kinh tế	7,86	2011	Được chấp	IELTS	43,6	09	19	71,6	Luật Kinh tế

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
LUẬT
HÀ NỘI

[Signature]

	02/09/1988, Nữ ĐH Luật HN		quy	Khá				nhận	6.0					MS 62380107 (04 năm)
5	Đỗ Xuân Trọng 29/03/1977, Nam ĐH Luật HN	Luật	VB2 (chính quy)	2007 Khá	Luật Quốc tế	7,30	2009	Được chấp nhận	Bằng ĐH ngoại ngữ	41	9,5	19	69,5	Luật Kinh tế MS 62380107 (04 năm)
6	Lê Hồng Hạnh 07/06/1987, Nữ ĐH Vinh	Luật	Chính quy	2009 Khá	Luật Kinh tế	8,36	2009	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	40,8	02	20	62,8	Luật Kinh tế MS 62380107 (04 năm)
7	Nguyễn Ngọc Quyên 30/12/1988, Nữ ĐH Luật HN	Luật	Chính quy	2010 Khá	Luật Kinh tế	7,97	2011	Được chấp nhận	Cấp độ B2 Khung Châu Âu chung	39,2	4,2	19	62,4	Luật Kinh tế MS 62380107 (04 năm)
8	Phạm Thị Trang 09/09/1977, Nữ Trường ĐH Kiểm sát HN	PL Kinh tế và Luật Quốc tế	Chính quy	2000 TB Khá	Luật Quốc tế và Luật So sánh	7,23	2003	Được chấp nhận	Bằng ĐH ngoại ngữ	35,4	11	15	61,4	Luật Kinh tế MS 62380107 (04 năm)
9	Hoàng Văn Thành 17/04/1987, Nam Học viện Ngân hàng	Luật	Chính quy	2009 Khá	Luật Kinh tế	7,3	2010	Được chấp nhận	Cấp độ B2 Khung Châu Âu chung	41,2	02	17	60,2	Luật Kinh tế MS 62380107 (04 năm)
10	Trần Thuý Linh 31/01/1983, Nữ Trường ĐH Kinh tế và quản trị kinh doanh	Luật	Chính quy	2005 Khá	Luật Quốc tế và Luật So sánh	7,23	2006	Được chấp nhận	IELTS 6.0	35	05	19	59	Luật Kinh tế MS 62380107 (04 năm)

[Handwritten signature]

11	Nguyễn Thị Hoàng Yến 13/11/1972, Nữ Trường ĐH Lao động – xã hội	Luật học	Chính quy	1994 Khá	Lý luận và Lịch sử Nhà nước và pháp luật	7,44	1995	Được chấp nhận	Bằng ĐH Ngoại ngữ	36	0	19	55	Luật Kinh tế MS 62380107 (04 năm)
12	Nguyễn Thị Thu Hằng 13/09/1978, Nữ ĐH Hải Phòng	PL Kinh tế và Luật Quốc tế	Chính quy	2000 Khá	Luật Kinh tế	7,39	2002	Được chấp nhận	Bằng ĐH ngoại ngữ	34,4	0	19	53,4	Luật Kinh tế MS 62380107 (04 năm)
13	Đặng Hoàng Mai 08/11/1977, Nữ ĐH Xây dựng	PL Kinh tế và Luật Quốc tế	Chính quy	1999 Khá	Luật Quốc tế và Luật So sánh	7,96	2001	Được chấp nhận	Cấp độ B1 Khung Châu Âu chung	30,8	05	17	52,8	Luật Kinh tế MS 62380107 (04 năm)

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG



Phan Chí Hiếu